SỞ Y TẾ PHÚ THỌ **TTYT KHU VỰC LÂM THAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 920 /QĐ-TTYT	*Lâm Thao, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LÂM THAO

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Lâm Thao thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-TTYT ngày 05/10/2026 của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Lâm Thao về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao;

Căn cứ Tờ trình số 16/TTr-TCG ngày 05/10/2026 của Tổ chuyên gia đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao;

Căn cứ Báo cáo số 16/BC-TTĐ ngày 06/10/2026 của Tổ thẩm định Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm

lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao.

(Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Phòng Tài chính kế toán; khoa Dược-Vật tư, Thiết bị y tế, Tổ chuyên gia tư vấn, tổ thẩm định và các bên có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Trưởng khoa Dược- Vật tư, Thiết bị y tế, Phòng Tài chính kế toán và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LÂM THAO

Nguyễn Long An

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao

(Kèm theo Quyết định số 920 /QĐ-TTYT ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao)

Stt	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn[5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu[6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu[8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu[9]	Loại hợp đồng[10]	Thời gian thực hiện gói thầu[11]	Tùy chọn mua thêm[12]
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao	Gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026	Gói thầu gồm 19 mặt hàng hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn *(Danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo)*	1.167.154.675	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 10 năm 2026	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	Không
Tổng giá gói thầu:				**1.167.154.675 đồng** ***(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi năm đồng)***								

Danh sách phần (lô):

Phần 1: Hóa chất dùng cho máy nước tiểu UC-58: 164.440.710 đồng (gồm 02 mặt hàng)

Phần 2: Hóa chất dùng cho máy huyết học Medonic M32: 91.820.190 đồng (gồm 05 mặt hàng)

Phần 3: Hóa chất dùng cho máy đông máu Stago: 565.293.775 đồng (gồm 09 mặt hàng)

Phần 4: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải Caretium: 345.600.000 đồng (gồm 03 mặt hàng)

SỞ Y TẾ PHÚ THỌ
TTYT KHU VỰC LÂM THAO

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm lần 4 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm y tế khu vực Lâm Thao

(Kèm theo Quyết định số 920 /QĐ-TTYT ngày 06/10/2026 của Trung tâm y tế huyện khu vực Lâm Thao)

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật[(1)]	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
I	**Phần 1: Hóa chất dùng cho máy nước tiểu UC-58**										**164.440.710**
1.1	Que thử nước tiểu 10 thông số	HC-10T	Urine Reagent Strips	URIT Medical Electronic Co.,Ltd	Trung Quốc	2025 trở về sau	Que thử nước tiểu 10 thông số: Nitrite; pH; Glucose; Protein; Blood; Ketone; Bilirubin; Urobilinogen; SG; Leukocytes. Tương thích với Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động UC-58 Quy cách: Lọ 100 que thử	Lọ	250	600.075	150.018.750
1.2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính hoặc bán định lượng sinh hóa nước tiểu 10 thông số	UQ-10	Urinalysis Control	URIT Medical Electronic Co.,Ltd	Trung Quốc	2025 trở về sau	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa nước tiểu cho loại que 10 thông số Thông số kiểm soát chất lượng: pH, Nitrite, Glucose, Tỷ trọng, Máu, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone, Bạch cầu (WBC) Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động UC-58 Quy cách: NO. I: 1 x 8mL + NO. II: 1 x 8mL	Hộp	12	1.201.830	14.421.960
II	**Phần 2: Hóa chất dùng cho máy huyết học Medonic M32**										**91.820.190**
2.1	Dung dịch bảo trì và làm sạch dùng cho xét nghiệm huyết học	1504111	Boule Cleaning Kit	Boule Medical AB	Thụy Điển	2025 trở về sau	Thành phần: Enzymatic Cleaner: Subtilisin for proteolytic action: <0.1% Surfactants: <0.2% Stabilizers incl. salts and buffers: < 2 % Coloring substances: < 0.1 % Hypochlorite 2% Cleaner: Sodium hypochlorite for lipid/protein degradation: 2.0 – 2.4 % % active chlorine Sodium hydroxide for stability: < 0.05 % Surfactants: < 0.05% Detergent Cleaner: Sodium dodecyl sulfate for protein dissociation: <0.1% Surfactants: <0.2% Stabilizers incl. salts and buffers: < 1 % Coloring substances: < 0.1 % Đóng gói: 3x450ml Tương thích với máy huyết học Medonic M32M- hãng Boule Medical AB- Thụy Điển	Hộp	1	8.034.075	8.034.075

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật[(1)]	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
2.2	Dung dịch làm sạch dùng cho xét nghiệm huyết học	1504113	Boule Hypochlorite (2.0%) Cleaner	Boule Medical AB	Thụy Điển	2025 trở về sau	Thành phần: Sodium hypochlorite for lipid/protein degradation: 2.0 – 2.4 % active chlorine Sodium hydroxide for stability: < 0.05 % Surfactants: < 0.05% Quy cách: 1x500 ml Tương thích với máy huyết học Medonic M32M- hãng Boule Medical AB- Thụy Điển	lọ	1	3.296.055	3.296.055
2.3	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	1504460	Medonic M-series Diluent, RFID	Boule Medical AB	Thụy Điển	2025 trở về sau	Thành phần: Salts for isotonic stability: <2.0% Antimicrobials: <0.1% Buffering agents: <0.5% Có RFID trên thùng Đóng gói: 1x20L Tương thích với máy huyết học Medonic M32M- hãng Boule Medical AB- Thụy Điển: CV: RBC≤1.8%; MCV≤1.5%; HGB≤1.5%; PLT≤4.8%; WBC≤3.5%.	thùng	6	5.880.000	35.280.000
2.4	Thuốc thử ly giải tế bào máu trong xét nghiệm huyết học	1504461	Medonic M-series Lyse, RFID	Boule Medical AB	Thụy Điển	2025 trở về sau	Thành phần: Quaternary ammonium salts: <0.5% Salts: <1.5% Có RFID trên thùng Đóng gói: 1 x 5L Tương thích với máy huyết học Medonic M32M- hãng Boule Medical AB- Thụy Điển: CV: RBC≤1.8%; MCV≤1.5%; HGB≤1.5%; PLT≤4.8%; WBC≤3.5%.	thùng	6	6.247.500	37.485.000
2.5	Vật liệu kiểm soát ba mức xét nghiệm định lượng 16 thông số huyết học	1504022	Boule Con-Diff Tri-L	Boule Medical AB	Thụy Điển	2025 trở về sau	Là máu chuẩn để hiệu chuẩn 3 mức (trung bình, thấp, cao). Thành phần: - Mức trung bình (N): 1x4,5ml Cell content: 30 tới 40% Stabilizing solution: 60 tới 70% - Mức thấp (L): 1x4,5ml Cell content: 10 tới 20% Stabilizing solution: 80 tới 90% - Mức cao (H): 1x4,5ml Cell content: 40 tới 50% Stabilizing solution: 50 tới 60% Quy cách: 3x4.5 ml Tương thích với máy huyết học Medonic M32M- hãng Boule Medical AB- Thụy Điển	Bộ	1	7.725.060	7.725.060
III	**Phần 3: Hóa chất dùng cho máy đông máu Stago**										**565.293.775**

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật[1]	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
3.1	Hoá chất định lượng Fibrinogen dùng cho máy đông máu tự động Stago	00673	00673 STA - Liquid Fib	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	- Hóa chất định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương người bằng phương pháp Clauss. Giá trị Phân tích kèm theo với mã vạch được cung cấp trong hộp. Mã vạch này chứa các thông tin: số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng và giá trị hiệu chuẩn (được xác nhận cho tất cả thuốc thử cùng lô). - Hóa chất chứa thrombin canxi người đã được chuẩn độ (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. - Giới hạn đo: 0.4 - 12.0 (g/l) - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định lên tới 2 tháng ở 2-8 độ C; và 10 ngày trên máy phân tích. - Kết quả Fib không bị nhiễu bởi các thông số HIL như với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liên hợp (lên đến 0,2 g/L) và triglycerid (lên đến 22,9 g/L). Các thử nghiệm được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn CLSI EP07-A2. Sử dụng trên các dòng máy đông máu tự động Stago. Hộp 12 x 4ml.	Hộp	5	21.749.819	108.749.095
3.2	Hóa chất xét nghiệm PT dùng cho máy đông máu tự động Stago	01163	01163 STA Neoptimal 5	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Hóa chất dùng để xác định thời gian prothrombin (PT), bao gồm: - Thuốc thử 1: Sta thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ - Thuốc thử 2: dung dịch hòa tan có chứa canxi Tương thích với máy đông máu tự động Stago. Hộp 6 x 5ml đông khô + 6 x 5ml dung dịch đệm.	Hộp	30	3.150.000	94.500.000
3.3	Cóng phản ứng dùng cho máy đông máu tự động Stago	39430	39430 STA Satellite Cuvettes	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Bộ cóng đo được làm bằng nhựa dùng 1 lần, bên trong có bi làm bằng thép không rỉ. Sử dụng trên máy đông máu tự động Stago Hộp 6 cuộn x 220 cái.	Hộp	12	16.896.000	202.752.000
3.4	Hóa chất xét nghiệm APTT dùng cho máy đông máu tự động Stago	00595	00595 STA PTT Automate 5	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Hóa chất dùng để xác định thời gian từng phần hoạt hóa (APTT) trong huyết tương. Thành phần thuốc thử chứa cephalin được chuẩn bị từ mô não thỏ và chất kích hoạt đặc hiệu (silica) trong môi trường đệm, dạng đông khô Tương thích máy đông máu tự động Stago. Hộp 12 x 5ml.	Hộp	4	16.999.500	67.998.000
3.5	Dung dịch Canxi dùng cho máy đông máu tự động Stago	00367	00367 STA - CaCl2 0.025M	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các xét nghiệm yếu tố đông máu nội sinh 24x15ml/hộp.	Hộp	1	3.969.000	3.969.000

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật[1]	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
3.6	Hóa chất pha loãng mẫu dùng cho máy đông máu tự động Stago	00360	00360 STA - Owren-Koller	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Dung dịch đệm dùng pha loãng cho thuốc thử và mẫu bệnh nhân trong các xét nghiệm đông máu. Thành phần: Chứa Natri azide (<1g/L) Sử dụng trên các dòng máy đông máu tự động Stago. Hộp 24 x 15ml.	Hộp	2	4.422.600	8.845.200
3.7	Hóa chất tẩy rửa dùng cho máy đông máu tự động Stago	00975	00975 STA Desorb U	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Dung dịch sát khuẩn tương thích với máy đông máu tự động Stago. Hộp 24 x 15ml.	Hộp	3	8.840.160	26.520.480
3.8	Nước rửa dùng cho máy đông máu tự động Stago	00973	00973 STA - Cleaner Solution	Tcoag Ireland Limited	Ireland	2025 trở về sau	Hóa chất có thành phần chính là hóa chất diệt nấm họ ether glycol được pha loãng trong nước Là dung dịch pha sẵn sử dụng cho hệ thống phân tích đông máu tự động Stago. Thùng 6 hộp x 2500 ml.	Hộp	24	1.650.000	39.600.000
3.9	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu dùng cho máy đông máu tự động Stago	00679	00679 STA - Coag Control N+P	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S	Pháp	2025 trở về sau	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm đông máu trên máy Stago, gồm 2 mức bình thường và bất thường - Thuốc thử 1: Sta Coag Control N, huyết tương người bình thường, có citrat, dạng đông khô - Thuốc thử 2: Sta Coag Control P, huyết tương người bất thường, có citrat, dạng đông khô Hộp 12 lọ x 2 x 1ml.	Hộp	1	12.360.000	12.360.000
IV	**Phần 4: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải Caretium**										**345.600.000**
4.1	Reagent Pack (Standand A 650+ standand B 350)	ABW-4	Reagent pack ABW- 4 (Standard A 650ml + Standard B 350ml)	Caretium Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	2025 trở về sau	Thành phần tối thiểu: + A Solution: - Potassium chloride: 4.0mmol/L - Sodium chloride: 100.0mmol/L - Sodium salt: 140.0mmol/L - Calcium chloride: 1.0mmol/L + B Solution: - Potassium chloride: 8.0mmol/L - Sodium chloride: 70.0mmol/L - Sodium salt: 110.0mmol/L - Calcium chloride: 2.0mmol/L Hộp 1000ml	Hộp	36	9.000.000	324.000.000
4.2	Daily Cleaning Solution	Daily Cleaning Solution	Daily Cleaning Solution	Caretium Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	2025 trở về sau	Thành phần: - Sodium benzoate < 2% - Methylene blue < 1% Lọ 100ml	Lọ	12	1.200.000	14.400.000
4.3	QC Solution	QC-4	QC Solution (QC-4)	Caretium Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	2025 trở về sau	Thành phần tối thiểu: - Potassium chloride: 5.0 ±0.1mmol/L - Sodium chloride: 105.0 ±2mmol/L - Sodium salt: 145.0 ±2mmol/L - Calcium chloride: 1.3 ±0.1mmol/L Lọ 100ml	Lọ	6	1.200.000	7.200.000
	Tổng cộng: 19 mặt hàng. Thành tiền dự kiến: Một tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi năm đồng./.										**1.167.154.675**